

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	HOSE	50	50
2	ABR	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt	HOSE	0	0
3	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	HOSE	0	0
4	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	HOSE	50	50
5	ACC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	HOSE	0	0
6	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	HOSE	50	50
7	ACL	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	HOSE	0	0
8	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	HNX	0	0
9	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	HOSE	0	0
10	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	HOSE	0	0
11	ADS	Công ty Cổ phần DAMSAN	HOSE	0	0
12	AGG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	HOSE	45	50
13	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK	HOSE	45	50
14	AMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu	HNX	0	0
15	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HOSE	40	50
16	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	HNX	0	0
17	ASG	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	HOSE	0	0
18	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	HOSE	30	50
19	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	HOSE	50	50
20	ATS	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	HNX	0	0
21	BAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	HNX	35	50
22	BAF	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	HOSE	50	50
23	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	HNX	0	0
24	BBC	Công ty Cổ phần Bibica	HOSE	40	50
25	BBS	Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	HNX	0	0
26	BCE	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	HOSE	0	0
27	BCF	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi	HNX	0	0
28	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	HOSE	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
29	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	HNX	0	0
30	BFC	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	HOSE	50	50
31	BHN	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	HOSE	50	50
32	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	50
33	BID	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	50
34	BKC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn	HNX	0	0
35	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	HOSE	0	0
36	BMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định	HOSE	45	50
37	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	HOSE	50	50
38	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	HOSE	50	50
39	BPC	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	HNX	0	0
40	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	HOSE	0	0
41	BSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	HOSE	50	50
42	BSR	Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	HOSE	50	50
43	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	HOSE	45	50
44	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	HOSE	0	0
45	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	HNX	0	0
46	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	HOSE	50	50
47	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	HNX	50	50
48	BWE	Công ty Cổ phần - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương	HOSE	50	50
49	BXH	Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	HNX	0	0
50	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	HNX	0	0
51	CAN	Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	HNX	0	0
52	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	HNX	50	50
53	CAR	Công ty cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt	HNX	0	0
54	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương	HOSE	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
		mại Cù Chi			
55	CCL	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HOSE	0	0
56	CCR	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	HNX	0	0
57	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	HOSE	30	50
58	CDN	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	HNX	0	0
59	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	HNX	50	50
60	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	HOSE	50	50
61	CIA	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh	HNX	0	0
62	CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	50
63	CJC	Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung	HNX	0	0
64	CKG	Công ty Cổ phần Tập đoàn CIC	HOSE	0	0
65	CKV	Công ty Cổ phần CokyVina	HNX	0	0
66	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	HOSE	50	50
67	CLH	Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	HNX	0	0
68	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	HOSE	0	0
69	CLM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	HNX	0	0
70	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	HOSE	0	0
71	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	HNX	0	0
72	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	HOSE	50	50
73	CMS	Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	HNX	0	0
74	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	HOSE	0	0
75	CNG	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	HOSE	50	50
76	COM	Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	HOSE	0	0
77	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	HNX	0	0
78	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	HOSE	0	0
79	CRE	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	HOSE	40	50
80	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	HNX	0	0
81	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	HOSE	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
82	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	HOSE	50	50
83	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	HNX	0	0
84	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	HOSE	45	50
85	CTF	Công ty Cổ phần City Auto	HOSE	40	50
86	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	HOSE	50	50
87	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	HOSE	30	50
88	CTP	Công ty Cổ phần Hoà Bình Takara	HNX	0	0
89	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	HOSE	50	50
90	CTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	HOSE	50	50
91	CTT	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	HNX	0	0
92	CVT	Công ty Cổ phần CMC	HOSE	0	0
93	CX8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	HNX	0	0
94	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	HNX	0	0
95	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	HOSE	0	0
96	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	HNX	0	0
97	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	HNX	0	0
98	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	HOSE	0	0
99	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	HOSE	50	50
100	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR)	HOSE	50	50
101	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	HOSE	0	0
102	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) số 2	HNX	0	0
103	DC4	Công ty Cổ phần Dicera Holdings	HOSE	40	50
104	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	HOSE	40	50
105	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau	HOSE	50	50
106	DGC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	HOSE	50	50
107	DGW	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	HOSE	50	50
108	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	HOSE	50	50
109	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	HOSE	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
110	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	HOSE	50	50
111	DHP	Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng	HNX	40	50
112	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	HNX	45	50
113	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	HOSE	50	50
114	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	HNX	0	0
115	DL1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven	HNX	0	0
116	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	HOSE	45	50
117	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	HNX	0	0
118	DNP	Công ty Cổ phần DNP Holding	HNX	0	0
119	DP3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 3	HNX	50	50
120	DPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	HOSE	45	50
121	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	HOSE	50	50
122	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	HOSE	50	50
123	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	HOSE	50	50
124	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3	HOSE	40	50
125	DSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	HOSE	0	0
126	DSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	HOSE	45	50
127	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	HOSE	50	50
128	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	HNX	0	0
129	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	HOSE	0	0
130	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	HNX	50	50
131	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	HNX	0	0
132	DTK	Tổng Công ty Điện lực TKV - Công ty Cổ phần	HNX	0	0
133	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	HOSE	0	0
134	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	HNX	30	50
135	DVP	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	HOSE	50	50
136	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	HOSE	50	50
137	DXP	Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	HNX	50	50
138	DXS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	HOSE	35	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
139	EBS	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	HNX	0	0
140	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	HOSE	50	50
141	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	HNX	0	0
142	ELC	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM	HOSE	50	50
143	EVF	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	HOSE	40	50
144	EVG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	HOSE	0	0
145	EVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS	HNX	0	0
146	FCM	Công ty Cổ phần Bê tông Phan Vũ Hà Nam	HOSE	0	0
147	FCN	Công ty Cổ phần FECON	HOSE	40	50
148	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	HOSE	0	0
149	FIT	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	HOSE	0	0
150	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	HOSE	50	50
151	FPT	Công ty Cổ phần FPT	HOSE	50	50
152	FRT	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	HOSE	50	50
153	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	HOSE	50	50
154	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	HOSE	50	50
155	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	HOSE	45	50
156	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	HNX	0	0
157	GEE	Công ty Cổ phần Điện lực Gelex	HOSE	50	50
158	GEG	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	HOSE	40	50
159	GEX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	HOSE	50	50
160	GIC	Công ty Cổ phần VSC Green Logistics	HNX	0	0
161	GLT	Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	HNX	0	0
162	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	HOSE	50	50
163	GMH	Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	HOSE	0	0
164	GMX	Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	0	0
165	GSP	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	HOSE	50	50
166	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	HOSE	0	0
167	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ	HOSE	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
		phần			
168	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	HNX	0	0
169	HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HOSE	40	50
170	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HOSE	50	50
171	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	HOSE	0	0
172	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	HNX	0	0
173	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HOSE	50	50
174	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hòa Cầm - Intimex	HNX	0	0
175	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	HOSE	0	0
176	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	50
177	HDA	Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	HNX	0	0
178	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	50
179	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	HOSE	50	50
180	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HOSE	50	50
181	HGM	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	HNX	0	0
182	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	HNX	0	0
183	HHP	Công ty Cổ phần HHP Global	HOSE	0	0
184	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	HOSE	30	50
185	HHV	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HOSE	45	50
186	HID	Công ty Cổ phần Halcom Vietnam	HOSE	0	0
187	HII	Công ty Cổ phần An Tiến Industries	HOSE	0	0
188	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	HNX	40	50
189	HKT	Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh	HNX	0	0
190	HLC	Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	HNX	0	0
191	HLD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	HNX	0	0
192	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	HOSE	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
193	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	HNX	0	0
194	HMR	Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	HNX	0	0
195	HNA	Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	HOSE	0	0
196	HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HOSE	50	50
197	HPX	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát	HOSE	0	0
198	HQC	Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	HOSE	15	50
199	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	HOSE	0	50
200	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HOSE	50	50
201	HSL	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	HOSE	0	0
202	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên	HOSE	50	50
203	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	HNX	0	0
204	HTG	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ	HOSE	45	50
205	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	HOSE	50	50
206	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HOSE	0	0
207	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	HOSE	0	0
208	HTV	Công ty Cổ phần Logistics Vicem	HOSE	0	0
209	HU1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	HOSE	0	0
210	HUB	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	HOSE	45	50
211	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	HNX	40	50
212	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	HOSE	30	50
213	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	HNX	50	50
214	ICT	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	HOSE	0	0
215	IDC	Tổng Công ty IDICO - CTCP	HNX	50	50
216	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HOSE	30	50
217	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	HNX	45	50
218	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	HOSE	50	50
219	ILB	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	HOSE	45	50
220	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	HOSE	50	50
221	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
222	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	HNX	45	50
223	IPA	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	HNX	40	50
224	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	HOSE	30	50
225	ITD	Công ty Cổ phần Công nghệ ITD	HOSE	0	0
226	ITQ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	HNX	0	0
227	IVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)	HNX	0	0
228	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	HOSE	50	50
229	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	HOSE	50	50
230	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	HOSE	50	50
231	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	HOSE	25	50
232	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	HOSE	30	50
233	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	HNX	0	0
234	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	HOSE	0	0
235	KMT	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	HNX	0	0
236	KOS	Công ty Cổ phần KOSY	HOSE	25	50
237	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	HOSE	50	50
238	KSF	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	HNX	0	0
239	KST	Công ty Cổ phần KASATI	HNX	0	0
240	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - Công ty Cổ phần	HNX	0	0
241	KTS	Công ty Cổ phần Đường Kon Tum	HNX	0	0
242	L10	Công ty Cổ phần Lilama 10	HOSE	0	0
243	L14	Công ty Cổ phần Licogi 14	HNX	0	0
244	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	HNX	0	0
245	L40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	HNX	0	0
246	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	HOSE	0	0
247	LAS	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX	50	50
248	LBE	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA	HNX	0	0
249	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	HOSE	40	50
250	LCD	Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
251	LCG	Công ty Cổ phần Lizen	HOSE	50	50
252	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	HOSE	35	50
253	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	HNX	45	50
254	LHG	Công ty Cổ phần Long Hậu	HOSE	50	50
255	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	HNX	0	0
256	LIX	Công ty Cổ phần Bột Giặt LIX	HOSE	50	50
257	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	HOSE	0	0
258	LPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	HOSE	50	50
259	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	HOSE	30	50
260	MAC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar	HNX	0	0
261	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	HOSE	50	50
262	MBG	Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG	HNX	0	0
263	MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	HNX	50	50
264	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	HNX	0	0
265	MCF	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	HNX	0	0
266	MCM	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	HOSE	50	50
267	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	HNX	0	0
268	MCP	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	HOSE	0	0
269	MDC	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	HNX	0	0
270	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	HNX	0	0
271	MHC	Công ty Cổ phần MHC	HOSE	0	0
272	MIG	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	HOSE	50	50
273	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy	HNX	0	0
274	MSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	HOSE	50	50
275	MSH	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	HOSE	50	50
276	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	HOSE	50	50
277	MST	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	HNX	0	0
278	MVB	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - Công ty	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
		Cổ phần			
279	MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	HOSE	50	50
280	NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	HOSE	50	50
281	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	HOSE	40	50
282	NAG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa	HNX	0	0
283	NAP	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	HNX	0	0
284	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HOSE	0	0
285	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	HOSE	35	50
286	NBC	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	HNX	35	50
287	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	HNX	0	0
288	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	HOSE	50	50
289	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	HNX	0	0
290	NDX	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	HNX	0	0
291	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	HNX	50	50
292	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	HNX	0	0
293	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	HOSE	0	0
294	NHC	Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp	HNX	0	0
295	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	HOSE	0	0
296	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	HOSE	0	0
297	NKG	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	HOSE	45	50
298	NLG	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	HOSE	50	50
299	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	HOSE	45	50
300	NOI	Công ty Cổ phần Tập đoàn 911	HOSE	0	0
301	NSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	HOSE	45	50
302	NSH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhôm Sông Hồng Shalumi	HNX	0	0
303	NST	Công ty Cổ phần Ngân Sơn	HNX	0	0
304	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	HOSE	50	50
305	NTH	Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong	HNX	0	0
306	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	HOSE	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
307	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	HNX	50	50
308	OCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	HOSE	50	50
309	ONE	Công ty Cổ phần Công nghệ ONE	HNX	0	0
310	OPC	Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC	HOSE	50	50
311	ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	HOSE	30	50
312	PAC	Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam	HOSE	50	50
313	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	HOSE	50	50
314	PBP	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	HNX	0	0
315	PC1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	HOSE	50	50
316	PCE	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Miền Trung	HNX	0	0
317	PCH	Công ty Cổ phần Nhựa Picomat	HNX	30	50
318	PCT	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific	HNX	0	0
319	PDB	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư DIN Capital	HNX	0	0
320	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	HOSE	50	50
321	PDR	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	HOSE	50	50
322	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	HOSE	45	50
323	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần	HOSE	50	50
324	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	HOSE	50	50
325	PGI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	HOSE	50	50
326	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	HNX	45	50
327	PHC	Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	HOSE	0	0
328	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	HNX	0	0
329	PHR	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	HOSE	50	50
330	PIA	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	HNX	0	0
331	PIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	HNX	0	0
332	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	HNX	0	0
333	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex	HOSE	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
334	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần	HNX	50	50
335	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	HOSE	0	0
336	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	HOSE	50	50
337	PMB	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	HNX	0	0
338	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	HNX	50	50
339	PMP	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	HNX	0	0
340	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	HNX	35	50
341	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	HOSE	0	0
342	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	HOSE	50	50
343	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	HOSE	50	50
344	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	HOSE	50	50
345	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	HNX	0	0
346	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	HNX	0	0
347	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	HNX	40	50
348	PPY	Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Phú Yên	HNX	0	0
349	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	HNX	0	0
350	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội	HNX	0	0
351	PSC	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	HNX	0	0
352	PSD	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	HNX	45	50
353	PSE	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	HNX	0	0
354	PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	HNX	0	50
355	PSW	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	HNX	0	0
356	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	HOSE	50	50
357	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư ICAPITAL	HOSE	0	0
358	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	HNX	0	0
359	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
		Phòng			
360	PTX	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	HNX	0	0
361	PVB	Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	HNX	45	50
362	PVC	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	HNX	45	50
363	PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	HOSE	50	50
364	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	HNX	30	50
365	PVI	Công ty Cổ phần PVI	HNX	50	50
366	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	HOSE	50	50
367	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	HNX	50	50
368	PVT	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	HOSE	50	50
369	QCG	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	HOSE	0	0
370	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	HNX	0	0
371	QNP	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	HOSE	0	0
372	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	HNX	0	0
373	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	HNX	0	0
374	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	HOSE	0	0
375	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	HNX	0	0
376	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	HOSE	50	50
377	RYG	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	HOSE	0	0
378	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	HOSE	0	0
379	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	HNX	0	0
380	S99	Công ty Cổ phần SCI	HNX	0	0
381	SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	HOSE	50	50
382	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
383	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	HOSE	35	50
384	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	HOSE	45	50
385	SBG	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao Siba	HOSE	30	50
386	SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	HOSE	50	50
387	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	HOSE	0	0
388	SCG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	HNX	0	0
389	SCR	Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	HOSE	35	50
390	SCS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	HOSE	50	50
391	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	HNX	0	0
392	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	HNX	0	0
393	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	HNX	0	0
394	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	HNX	0	0
395	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung	HNX	50	50
396	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	HNX	0	0
397	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	HOSE	0	0
398	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	HOSE	40	50
399	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	HOSE	45	50
400	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	HNX	0	0
401	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	HNX	0	0
402	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	HNX	0	0
403	SGN	Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	HOSE	50	50
404	SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	HOSE	30	50
405	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	HOSE	0	50
406	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	HOSE	0	0
407	SHB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	HOSE	50	50
408	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	HNX	0	0
409	SHI	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	HOSE	30	50
410	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	HNX	0	0
411	SHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	HOSE	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
412	SHS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	HNX	50	50
413	SIP	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	HOSE	50	50
414	SJ1	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	HNX	0	0
415	SJD	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	HOSE	50	50
416	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	HNX	0	0
417	SJS	Công ty Cổ phần SJ Group	HOSE	40	50
418	SKG	Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong - Kiên Giang	HOSE	50	50
419	SLS	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	HNX	50	50
420	SMB	Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung	HOSE	50	50
421	SMN	Công ty Cổ phần Sách và thiết bị giáo dục Miền Nam	HNX	0	0
422	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	HOSE	0	0
423	SRC	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	HOSE	0	0
424	SSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	HOSE	50	50
425	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	HOSE	45	50
426	SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	HOSE	50	50
427	ST8	Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8	HOSE	0	0
428	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	HOSE	50	50
429	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	HNX	0	0
430	STG	Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam	HOSE	45	50
431	STK	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	HOSE	0	0
432	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	HNX	0	0
433	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	HOSE	50	50
434	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	HOSE	50	50
435	SVN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam	HNX	0	0
436	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HOSE	0	0
437	SZB	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	HNX	50	50
438	SZC	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	HOSE	50	50
439	SZL	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	HOSE	45	50
440	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
441	TBC	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	HOSE	45	50
442	TBX	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình	HNX	0	0
443	TCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	HOSE	50	50
444	TCH	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	HOSE	50	50
445	TCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	HOSE	0	0
446	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	HOSE	50	50
447	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	HOSE	50	50
448	TCO	Công ty Cổ phần TCO Holdings	HOSE	20	50
449	TCT	Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh	HOSE	40	50
450	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	HOSE	30	50
451	TDG	Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global	HOSE	0	0
452	TDM	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	HOSE	45	50
453	TDP	Công ty Cổ phần Thuận Đức	HOSE	0	0
454	TDT	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	HNX	0	0
455	TDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	HOSE	0	0
456	TEG	Công ty Cổ phần Năng Lượng và Bất động sản Trường Thành	HOSE	0	0
457	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	HNX	0	0
458	TFC	Công ty Cổ phần Trang	HNX	0	50
459	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	HNX	0	0
460	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HOSE	45	50
461	THS	Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà	HNX	0	0
462	TIP	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	HOSE	50	50
463	TIX	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	HOSE	0	0
464	TJC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	HNX	0	0
465	TKU	Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang	HNX	0	0
466	TLD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị	HOSE	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
		Thăng Long			
467	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	HOSE	50	50
468	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin	HNX	0	0
469	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	HNX	0	0
470	TMP	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	HOSE	50	50
471	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	HOSE	45	50
472	TMX	Công ty Cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	HNX	0	0
473	TN1	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	HOSE	0	0
474	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	HOSE	0	0
475	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	HNX	50	50
476	TNT	Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT	HOSE	0	0
477	TOT	Công ty Cổ phần Transimex Logistics	HNX	0	0
478	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	HOSE	50	50
479	TPP	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	HNX	0	0
480	TRA	Công ty Cổ phần Traphaco	HOSE	50	50
481	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	HOSE	50	50
482	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng	HNX	0	0
483	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	HOSE	30	50
484	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	HNX	0	0
485	TTT	Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	HNX	0	0
486	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	HOSE	45	50
487	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	HNX	0	0
488	TVB	Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap	HOSE	20	50
489	TVC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản T-Corp	HNX	0	0
490	TVD	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	HNX	40	50
491	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	HOSE	35	50
492	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	HOSE	0	0
493	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	HOSE	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
494	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	HOSE	40	50
495	UNI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	HNX	0	0
496	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	HNX	0	0
497	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	HNX	0	0
498	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	HNX	0	0
499	VC3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	HNX	40	50
500	VC6	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	HNX	0	0
501	VC7	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	HNX	0	0
502	VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	HOSE	50	50
503	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	HNX	0	0
504	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	HOSE	50	50
505	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	HOSE	50	50
506	VCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	HOSE	50	50
507	VCM	Công ty Cổ phần BV Life	HNX	0	0
508	VCS	Công ty Cổ phần VICOSTONE	HNX	50	50
509	VDL	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	HNX	0	0
510	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	HOSE	0	0
511	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	HOSE	50	50
512	VFG	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	HOSE	50	50
513	VFS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	HNX	30	50
514	VGC	Tổng Công ty Viglacera - Công ty Cổ phần	HOSE	50	50
515	VGP	Công ty Cổ phần Càng Rau Quả	HNX	0	0
516	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE	HNX	35	50
517	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	HOSE	50	50
518	VHE	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	HNX	0	0
519	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	HOSE	50	50
520	VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	HOSE	50	50
521	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	HOSE	50	50
522	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn	HOSE	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
		Đông			
523	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần	HNX	0	0
524	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	HOSE	50	50
525	VIT	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	HNX	0	0
526	VIX	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	HOSE	50	50
527	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	HOSE	50	50
528	VLA	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	HNX	0	0
529	VMC	Công ty Cổ phần VIMECO	HNX	0	0
530	VMS	Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	HNX	0	0
531	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	HNX	0	0
532	VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	HOSE	50	50
533	VNF	Công ty Cổ phần Vinafreight	HNX	0	0
534	VNL	Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	HOSE	0	0
535	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	HOSE	50	50
536	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	HNX	50	50
537	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	HOSE	0	0
538	VPD	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	HOSE	50	50
539	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	HOSE	30	50
540	VPI	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú	HOSE	45	50
541	VPS	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	HOSE	0	0
542	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	HOSE	50	50
543	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	HOSE	50	50
544	VSA	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	HNX	0	0
545	VSC	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	HOSE	50	50
546	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HOSE	0	0
547	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	HNX	0	0
548	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	HOSE	0	0
549	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
550	VTP	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	HOSE	50	50
551	VTZ	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	HNX	20	50
552	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	HNX	50	50
553	X20	Công ty Cổ phần X20	HNX	0	0
554	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	HOSE	0	0
555	YEG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	HOSE	20	50

Lưu ý: Tỷ lệ cho vay từng mã chứng khoán trên từng tài khoản khách hàng có thể khác với bảng Danh mục cho vay ký quỹ nêu trên, tùy thuộc vào sản phẩm dịch vụ khách hàng sử dụng và quy định của VPBankS về sản phẩm dịch vụ đó từng thời kỳ